

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5 - 2026

V/v: Chị Phạm Thị L xin ly hôn  
anh Trần Văn T.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Đức Hiền;
- Bà Đặng Thị Việt Hoài.

**\* Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Ông Lương Duy Long - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2026 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Số 18, đường Đ, khu phố 2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang).

Căn cước công dân số: 034187022529 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình (nay là phường V, tỉnh Hưng Yên).

Căn cước công dân số: 034078002428 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp.

(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2025 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:**

Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14/07/2011 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình (nay là phường V, tỉnh Hưng Yên) theo số 41, ngày 14/7/2011. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra xung đột, không tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hòa giải, nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh T, chị cương quyết xin ly hôn anh T.

Chị và anh Trần Văn T có hai con chung là Trần T, sinh ngày 16/11/2012; Trần Thảo Linh S, sinh ngày 01/5/2023. Hiện cháu Trần T đang ở với anh T, cháu Linh S đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị giao con Trần Thảo Linh S cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trần T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do điều kiện công việc và đường xa, nên chị đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

*\* Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:* Anh T trình bày thống nhất với chị L về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn, chung sống. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống bình thường, đến 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vấn đề kinh tế, anh sức khỏe yếu và làm việc tự do, lương không cao, dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay chị L xin ly hôn, anh có ý kiến là anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên không đồng ý ly hôn với chị L, anh đề nghị Toà án cho anh thời gian để anh có biện pháp hoà giải đoàn tụ với chị L. Trong trường hợp chị L không chấp nhận hoà giải, kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh và chị L có 02 con chung là cháu Trần Tiến sinh ngày 16/11/2012 và Trần Thảo Linh S, sinh ngày 01/5/2023; nếu ly hôn anh cũng đề nghị Toà án giao cháu Trần Tiến cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Thảo Linh S cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh và chị L có tài sản chung là nhà, đất ở Kiên Giang, không có nợ chung. Ly hôn anh cũng nhất trí với chị Lính là vợ chồng tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản

*\* Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con Trần T, sinh ngày 16/11/2012, cháu Trần T trình bày:*

Bố đẻ cháu là Trần Văn T, mẹ đẻ cháu là Phạm Thị L. Hiện cháu đang ở cùng bố. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở với bố.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Trần Văn T. Giao chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Thảo L San, sinh ngày 01/5/2023, anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng Trần Tiến sinh ngày 16/11/2012, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Không đặt ra giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn T, anh T thường trú tại thôn T, phường V, tỉnh Hưng Yên (nay là phường V, tỉnh Hưng Yên), căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội, đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

[1.2] Nguyên đơn chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn Thoan đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14/7/2011 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình (nay là phường V, tỉnh Hưng Yên) theo số 41, ngày 14/7/2011. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau kết hôn, anh chị chung sống về cơ bản là hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Từ 2022 đến nay, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng đã tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay, chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị cương quyết xin ly hôn anh Thoan. Về phía anh T, anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị L, mong muốn đoàn tụ, anh sẽ tìm cách hòa giải, nếu chị L kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên từ thời điểm Tòa án thụ lý đến nay, anh T không có biện pháp gì thiết thực cải thiện quan hệ hôn nhân, không đến tham gia các phiên toà của Tòa án, chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị L, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L, xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị L và anh Trần Văn T có hai con chung là cháu Trần T sinh ngày 16/11/2012 và Trần Thảo Linh S, sinh ngày 01/5/2023. Ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con Trần Thảo Linh S, đề nghị giao anh T nuôi dưỡng con Trần T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh T cũng nhất trí với chị L, khi Tòa án lấy lời khai, cháu Trần T cũng có nguyện vọng được ở với anh Thoan. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị L, giao chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thảo Linh S, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp pháp luật.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị L và anh Trần Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị L và anh Trần Văn T có 02 con chung là Trần T sinh ngày 16/11/2012 và Trần Thảo Linh S, sinh ngày 01/5/2023.

Xử giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thảo Linh S, sinh ngày 01/5/2023; giao cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần T sinh ngày 16/11/2012. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Phạm Thị L, anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí Tòa án tại Biên lai số 0004314 đề ngày 25/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên sang thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự*

*có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 5, tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường V, tỉnh Hưng Yên (Giấy CNKH số 41, ngày 14/07/2011 của UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình cũ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Phan Anh Tuấn**

